

Tính vị, quy kinh

Vị cay, mùi thơm, tính ôn. Vào các kinh tỳ, phế.

Công năng, chủ trị

Ôn trung tán hàn, hạ khí chỉ thống, trừ phong thấp. Chủ trị: Phong hàn thấp, chân tay lạnh, tê bại. Rối loạn tiêu hóa, nôn mửa, đầy hơi, đau bụng ỉa chảy, thận và bàng quang lạnh, đau răng, đau đầu, chảy nước mũi hôi, ra mồ hôi tay chân.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 12 g lá khô hoặc từ 15 g đến 30 g lá tươi, dạng thuốc sắc.

Dùng ngoài: Sắc đặc, ngâm chữa đau răng.

Kiêng kỵ

Vị nhiệt, táo bón không nên dùng.

LÁ MÓNG (Lá)

Lawsoniae Folium

Lá tươi hoặc được làm khô của cây Lá móng (*Lawsonia inermis* L.), họ Tử vi (Lythraceae). Thu hái lá, phơi khô hoặc sấy khô.

Mô tả

Lá hình trứng, gốc lá thuôn, đầu nhọn, dài 2 cm đến 3 cm, rộng 1 cm đến 1,5 cm, cuống ngắn, mép lá nguyên hơi lượn sóng, mặt trên màu lục, mặt dưới màu nâu nhạt.

Vi phẫu

Gân chính: Gân lá hơi lõm ở phía dưới, hơi lõm và nhọn ở phía trên. Biểu bì trên và dưới là một lớp tế bào xếp đều đặn. Sau biểu bì trên và dưới là lớp mô dày có 2 đến 3 hàng tế bào có thành dày ở góc. Mô mềm gồm các tế bào hình đa giác thành mỏng. Rải rác trong mô mềm có tinh thể calci oxalat hình cầu gai. Giữa gân chính là những bó libe-gỗ xếp thành hình cung, libe ở phía trên và dưới, các bó gỗ ở trong.

Phiến lá: Dưới lớp biểu bì trên là 2 đến 3 hàng tế bào mô giậu, mô mềm rải rác có tinh thể calci oxalat hình cầu gai.

Bột

Bột có màu xanh lục. Soi dưới kính hiển vi thấy: Mảnh mô mềm mang tinh bột, tinh thể calci oxalat hình cầu gai, mảnh mạch xoắn, mạch điểm, mạch thang.

Định tính

A. Lấy khoảng 5 g bột dược liệu cho vào bình nón, thêm 30 ml *ethanol* 96 % (TT), đun cách thủy khoảng 10 min, lọc, dịch lọc làm các phản ứng sau:

Cho 1 ml dịch lọc vào ống nghiệm, thêm ít bột *magnesi* (TT) và 5 giọt *acid hydrochloric* (TT), lắc đều rồi đặt vào bình cách thủy vài phút sẽ xuất hiện màu đỏ đậm.

Nhỏ 1 giọt dịch lọc lên tờ giấy lọc, sấy nhẹ cho khô rồi đặt trên miệng lọ amoniac đậm đặc đã mở nút thấy màu vàng của vết đậm lên.

Cho vào ống nghiệm 1 ml dịch lọc, thêm 2 giọt đến 3 giọt *dung dịch sắt (III) clorid* 5 % (TT) sẽ xuất hiện màu xanh đen. Lấy 1 ml dịch lọc cho vào ống nghiệm to, thêm 5 ml nước, lắc mạnh ống nghiệm theo chiều dọc, sẽ có cột bọt bền 15 min.

B. Lấy 5 g bột dược liệu, thêm 10 ml *methanol* (TT) và 10 ml *dung dịch natri hydroxyd* 1 N (TT), đun hồi lưu 15 min, lọc nóng. Đun cách thủy dịch lọc để loại hết *methanol* và thu được dịch chiết nước. Acid hóa dịch chiết nước bằng *acid hydrochloric* (TT) đến pH 6, sau đó lắc kỹ với 5 ml *cloroform* (TT), gạn lớp *cloroform* vào ống nghiệm, thêm 3 ml *amoniac* (TT), lắc đều, lớp *amoniac* sẽ xuất hiện màu đỏ.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (đối với dược liệu khô) (Phụ lục 9.6, 2 g, 100 °C, 5 h).

Tỉ lệ vụn nát

Qua rây có kích thước mắt rây 4 mm: Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.12).

Tạp chất (Phụ lục 12.11)

Tạp chất vô cơ: Không được có.

Bộ phận khác của cây: Không quá 2 %.

Chế biến

Lấy dược liệu khô, loại bỏ tạp chất, vi sao theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20 trước khi dùng.

Bảo quản

Để nơi khô mát, tránh ẩm, trong bao bì kín.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng hơi chát, tính âm. Vào các kinh can, thận.

Công năng, chủ trị

Hoạt huyết, tán ứ. Chủ trị: Đau nhức xương khớp, tê bại chân tay, bế kinh, hoặc phụ nữ kinh nguyệt không đều. Còn dùng khi bị chấn thương sưng tấy cơ nhục. Sang lở, mụn nhọt, hắc lao, nấm móng tay, móng chân. Rắn cắn.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 8 g đến 12 g, dưới dạng thuốc sắc.

Dùng ngoài: Lấy Lá móng giã nát, trộn với giấm thành bột nhão đắp vào nơi bị sưng đau, hoặc nhọt độc, hoặc vết rắn cắn. Cũng có thể nấu nước ngâm rửa.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai, hoặc đa kinh không dùng.

LẠC TIÊN

Passiflorae foetidae Herba

Phần trên mặt đất được làm khô của cây Lạc tiên (*Passiflora foetida* L.), họ Lạc tiên (Passifloraceae). Thu hoạch vào mùa xuân, hạ. Cắt lấy dây, lá, hoa Lạc tiên, thái ngắn, phơi hoặc sấy khô.